TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát To

2. Ông Hồ Thanh Trí

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Đồng Thị Mỹ N

Địa chỉ: Ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

2- Bị đơn: Phan Hồng T

Địa chỉ: Ấp Long A, thị trấn Cái T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2023 và quá trình tố tụng tại tòa án

nguyên đơn chị Đồng Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh T kết hôn vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trầm trọng. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung các cháu tên là Phan Thị Thúy U (nữ) sinh ngày 20/10/1997 và cháu Phan Thanh Q sinh ngày 15/02/2012. Hiện nay cháu Q đang sống chung với chị, còn cháu U đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Q chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Hồng T trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của của chị N về thời gian kết hôn cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Anh thống nhất với ý kiến của chị N. Anh đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi cháu Q. Đối với cháu U đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đồng Thị Mỹ N được ly hôn với anh Phan Hồng T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Thanh Q sinh ngày 15/02/2012 cho chị Đồng Thị Mỹ N được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Do chị N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho

nên Phan Hồng T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đồng Thị Mỹ N và anh Phan Hồng T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phan Hồng T và có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do anh T có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị Mỹ N: Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đồng Thị Mỹ N và anh Phan Hồng T có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, do anh T nhiều lần đánh chị nên không thể sống chung với nhau, anh T cũng xác nhận gia đình có quá nhiều bất đồng quan điểm sống. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Đồng Thị Mỹ N được ly hôn với anh Phan Hồng T. Anh T cho rằng anh còn thương vợ con nên không muốn ly hôn Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ việc vợ chồng phải thương yêu nhau, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau. Tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm với anh T nên quan hệ hôn nhân này

kéo dài sẽ không hạnh phúc. Do đó yêu cầu đoàn tụ của anh T không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Đồng Thị Mỹ N: Quá trình sống chung chị Đồng Thị Mỹ N và anh Phan Hồng T có 02 con chung các cháu tên là Phan Thị Thúy U (nữ) sinh ngày 20/10/1997 và cháu Phan Thanh Q sinh ngày 15/02/2012. Hiện nay cháu Q đang sống chung với chị, còn cháu U đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Q chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Việc yêu cầu nuôi con chung của chị N phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, phía anh T cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử giao cháu Phan Thanh Q sinh ngày 15/02/2012 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh T không trực tiếp nuôi con chung cho nên chị N phải tạo điều kiện thuận lợi để anh T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đồng Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị Mỹ N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đồng Thị Mỹ N được ly hôn với anh Phan Hồng T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh Q, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2012; cho chị Đồng Thị Mỹ N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phan Hồng T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Phan Hồng T không ai được quyền ngăn.

3. Về tài sản chung: Các khai không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đồng Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0012485 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định cảu pháp luật

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Đua

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.